

Bản án số: 381/2024/DS-PT
Ngày: 22 - 07 - 2024
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Ông Trương Vĩnh Hữu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Nguyễn Thị Xuân Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 06 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 10 tháng 05 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 297/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Dương Ngọc T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số D, tổ A ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

2. **Bị đơn:**

2.1 Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1964;

2.2 Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Số A, tổ G, Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn anh Dương Ngọc T trình bày:

Do có quen biết nhau nên vào ngày 24/11/2023 bà N và ông T1 có ký giấy vay tiền của anh là 207.000.000 đồng (bản chính), thời hạn vay là 2 tháng tức trả vào ngày 24/01/2024, lãi suất hai bên thoả thuận là 2%/ tháng. Khi đến hạn trả nợ bà N ông T1 không trả vốn gốc và lãi cho anh, nên anh có đến nhà đòi nợ nhiều lần ông bà cứ hứa hẹn rồi không trả.

Nay anh nộp đơn khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà N ông T1 trả lại cho anh vốn gốc là 207.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Văn T1 thống nhất trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên vợ chồng ông bà có vay của anh Dương Ngọc T với tổng số tiền là 80.000.000 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 23/03/2022 đến tháng 4 năm 2022 dương lịch, vay làm nhiều lần, cụ thể như sau:

- Số tiền vay 10.000.000 đồng không nhớ ngày tháng cụ thể: mỗi lần vay là 10.000.000 đồng x 4 lần vay, thành tiền là 40.000.000 đồng;

- Số tiền vay 20.000.000 đồng không nhớ ngày: mỗi lần vay là 20.000.000 đồng x 2 lần vay, thành tiền là 40.000.000 đồng.

Lãi suất thoả thuận là 15%/ tháng, vợ chồng bà đã trả được 06 tháng tiền lãi tổng cộng là 72.000.000 đồng (mỗi tháng trả lãi là 12.000.000 đồng).

Các lần vay tiền này vợ chồng bà có viết biên nhận nợ đều do anh T giữ hết, nên vợ chồng bà không có để cung cấp cho Toà.

Đến ngày 26/11/2023 vợ chồng bà có điện thoại cho anh T đến nhà để trả bớt số tiền vốn gốc 40.000.000 đồng nhưng anh T không đồng ý. Sau đó anh T có cho người đến đe dọa, uy hiếp, chửi bới vợ chồng bà. Vào ngày 24/11/2023 anh T đến nhà yêu cầu vợ chồng bà viết giấy nợ với tổng số tiền là 207.000.000 đồng trong đó 80.000.000 đồng là vốn gốc và tiền lãi là 127.000.000 đồng.

Nay anh T buộc vợ chồng bà trả số tiền vay 207.000.000 đồng vợ chồng bà không đồng ý, vì vợ chồng bà chỉ có vay số tiền vốn gốc là 80.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả 80.000.000 đồng cho anh T khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền lãi mà vợ chồng bà đã trả cho anh T từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 là 83.000.000 đồng, nay vợ chồng bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà bà N thừa nhận không cung cấp được các chứng cứ chứng minh số tiền vay vốn gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi đã trả cho anh T là 83.000.000 đồng cũng như các chứng cứ bị đe dọa và ép buộc viết giấy nợ 207.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 10 tháng 05 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 91, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Dương Ngọc T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho anh Dương Ngọc T số tiền vay vốn gốc 207.000.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu đồng). Thời gian trả thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 05 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc một mình bà N trả cho anh T số tiền thực tế mà bà N đã vay là 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Dương Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T1 liên đới trả cho anh số tiền nợ vay 207.000.000 đồng.

- Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Tuyết N rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với nội dung yêu cầu chỉ mình bà có nghĩa vụ trả nợ cho anh T và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo chỉ đồng ý trả cho anh T 80.000.000 đồng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa bà N rút một phần yêu cầu kháng cáo là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với nội dung kháng cáo yêu cầu chỉ mình bà có nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Đối với yêu cầu kháng cáo chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn anh T 80.000.000 đồng là không có cơ sở vì không có chứng cứ chứng minh. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 10 tháng 05 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Dương Ngọc T yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T1 cho anh 207.000.000 đồng nợ vay nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ đúng qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Dương Ngọc T với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T1 là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết N là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết N rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với nội dung yêu cầu chỉ mình bà có nghĩa vụ trả nợ cho anh T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo này.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết N Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại Bản tự khai ngày 22/4/2024 (bút lục 12); biên bản hòa giải ngày 22/4/2024 (bút lục 19); và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/5/2024 (bút lục 25) vợ chồng bà N, ông T1 đều thừa nhận có viết và ký biên nhận nhận nợ 207.000.000 đồng của ông T vào ngày 24/11/2023. Tuy nhiên vợ chồng ông cho rằng bị đe dọa ép ký nhưng không có chứng cứ để chứng minh.

- Theo vợ chồng ông T1, bà N trình bày ông bà chỉ vay 80.000.000 đồng lãi suất 15%/tháng (mỗi tháng đóng 12.000.000 đồng lãi) ông cho rằng biên nhận nợ ngày 24/11/2023 là bao gồm 80.000.000 đồng vốn gốc và 11 tháng lãi. Tuy nhiên nếu tính theo lời khai của ông thì vốn lãi đến tháng 11/2023 phải là 212.000.000 đồng $[(80.000.000 \text{ đồng} \times 15\% \times 11 \text{ tháng}) + 80.000.000 \text{ đồng}]$ chứ không phải là 207.000.000 đồng như trong biên nhận nợ nên lời khai bị đơn là mâu thuẫn.

- Ngoài ra tại phiên tòa bà N trình bày rất chi tiết quá trình vay nợ cụ thể như vay tổng cộng 80.000.000 đồng trong 06 lần. Trong đó có bốn lần vay mỗi lần 10.000.000 đồng và 02 lần vay mỗi lần 20.000.000 đồng. Tuy nhiên không được phía anh T thừa nhận nhưng bà N không có bất kỳ chứng cứ nào để xem xét, trong khi phía anh T có cung cấp tờ biên nhận được vợ chồng bà thừa nhận nên lời khai của bà không được chấp nhận.

Từ các tình tiết, chứng cứ như trên, nhận thấy cấp sơ thẩm xử chấp nhận

yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của bà N là không có cơ sở nên bác.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: bà Nguyễn Thị Tuyết N được miễn án phí sơ và phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 466; Điều 468 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 10 tháng 05 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với phần yêu cầu chỉ tuyên một mình bà có nghĩa vụ trả nợ cho anh T.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Ngọc T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T1 liên đới trả cho anh Dương Ngọc T số tiền 207.000.000 đồng tiền nợ vay. Thời hạn trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

- Bà N được miễn án phí sơ và phúc thẩm theo quy định.

- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 5.175.000 đồng án phí sơ thẩm.

- H lại cho anh Dương Ngọc T 5.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011057 ngày 21/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân